

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 28/2019/DS-ST

Ngày 16-7-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu dỡ nhà trả đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Phan Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Mỏl - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2015/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2015 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:

1.1/ Ông Phạm Thế Đ, sinh năm: 1940.

1.2/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1940.

Địa chỉ: Ấp U, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: Ông Phạm Thế Đ.

2/ Bị đơn:

2.1/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp U, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Bà Hà Mỹ L.

2.2/ Bà Nguyễn Thị M (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M:

2.2.1/ Bà Hà Mỹ L, sinh năm: 1957 (con bà Nguyễn Thị M).

2.2.2/ Bà Hà Thị S, sinh năm: 1965 (con bà Nguyễn Thị M).

2.2.3/ Bà Hà Thị B, sinh năm: 1966 (con bà Nguyễn Thị M).

Địa chỉ: Ấp U, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2.4/ Bà Hà Thị T, sinh năm: 1961 (con bà Nguyễn Thị M).

Địa chỉ: Khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2.5/ Ông Hà Văn C, sinh năm: 1969 (con bà Nguyễn Thị M).

Địa chỉ: Khóm U, Phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2.2.6/ Bà Hà Thị Ngọc V, sinh năm: 1993 (con bà Nguyễn Thị M).

Địa chỉ: Ấp U, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3 Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm: 1973.

3.2/ Ông Phạm Minh H, sinh năm: 1976.

3.3/ Bà Phạm Hồng N, sinh năm: 1979.

3.4/ Ông Phạm Minh Q, sinh năm: 1983.

3.5/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp U, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.6/ Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ: Khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh S.

Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Ông Đ, bà L, bà B, bà T có mặt.

Các đương sự còn lại có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ông Phạm Thế Đ (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N) trình bày: Vào năm 1977, ông nhận chuyển nhượng đất từ ông Dương Văn T. Đến ngày 05/12/1992 phần đất ông nhận chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Nguyễn Thị N (vợ ông) đứng tên với diện tích là 1.031m² thuộc thửa 2336, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Trên phần đất bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có căn nhà của ông Hà L (cha bà L) ở từ năm 1980. Lý do ông Hà L được ở là vì ông T xin ông cho ông Hà L ở tạm một thời gian trong phạm vi nhà kho nước mắm chiều ngang 06m, chiều dài 12m từ lộ làng ra bờ sông, khi nào có chỗ ở khác thì ông Hà L sẽ di dời nhà đi. Đến năm 2010, không biết vì lý do gì ông

Hà L kiện yêu cầu cắt một phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N để chuyển quyền sang tên cho ông, do ông không đồng ý nên dẫn đến việc tranh chấp.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu gia đình bà L và những người thừa kế của bà M phải dỡ nhà trả lại cho vợ chồng ông phần đất diện tích 377m² thuộc một phần thửa 2336, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Đ chỉ yêu cầu gia đình bà L và những người thừa kế của bà M phải dỡ nhà trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 317m².

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hà Mỹ L (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Nguyễn Thị L) trình bày:

Không đồng ý dỡ nhà trả lại đất theo yêu cầu của ông Đ vì phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Dương Văn T chuyển nhượng cho ông T, sau đó ông T chuyển nhượng cho ông Hà L. Gia đình ông Hà L đã sử dụng đất, cất nhà ở từ năm 1980, đến năm 1992 không hiểu vì lý do gì lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N. Sự việc tranh chấp giữa hai bên đã được Ủy ban nhân dân xã P giải quyết xong vào ngày 28/5/1994, công nhận cho gia đình ông Hà L được sử dụng.

Đồng thời, bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M yêu cầu công nhận phần diện tích 317m² đất thuộc một phần thửa 2336, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho gia đình bà được sử dụng, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N để cho gia đình bà được quyền sử dụng.

- Bà Hà Thị B, bà Hà Thị T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M trình bày:

Thông nhất theo lời trình bày của bà Hà Mỹ L và không có yêu cầu gì thêm.

- Bà Hà Thị S, ông Hà Văn C, bà Hà Thị Ngọc V là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt bà Hà Thị S, ông Hà Văn C, bà Hà Thị Ngọc V trình bày: Nguồn gốc đất là của ông Hà L, hiện nay đồng ý theo ý kiến bà L và không có ý kiến gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng N, ông Phạm Minh H, bà Phạm Hồng N, ông Phạm Minh Q, bà Nguyễn Thị C có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Hồng N, ông Phạm Minh H, bà Phạm Hồng N, ông Phạm Minh Q, bà Nguyễn Thị C trình

bày: Không có ý kiến hoặc yêu cầu gì đối với vụ án. Mọi ý kiến ông Đ nêu ra đều hoàn toàn thống nhất.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Ngoài những tài liệu, chứng cứ và các văn bản ghi ý kiến đã cung cấp cho Tòa án, đến nay Ủy ban nhân dân huyện không có ý kiến khác, không cung cấp gì thêm và đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của các cấp Tòa án đối với vụ án nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa thực hiện đúng thời hạn ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án khi lý do tạm đình chỉ không còn.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 100, Điều 166 Luật đất đai bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà L và những người thừa kế của ông Hà L, bà M được tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp 317m² và được đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký theo quy định pháp luật. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N để điều chỉnh cho bà Nguyễn Thị L và những người thừa kế của ông Hà L, bà Nguyễn Thị M 317m² theo quy định.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Tòa án đã yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai người làm chứng, xem xét thẩm định đối với phần đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Thế Đ, bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và những người thừa kế của bà Nguyễn Thị M phải dỡ nhà trả phần đất lấn chiếm, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; bà L và những người thừa kế của bà M yêu cầu công nhận phần diện tích 317m² cho gia đình bà được sử dụng, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N nên theo quy định khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Đ, bà N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và những người thừa kế của bà Nguyễn Thị M phải dỡ nhà trả phần đất lấn

chiếm; bà L và những người thừa kế của bà M yêu cầu công nhận cho gia đình bà được sử dụng phần đất diện tích 317m² thuộc một phần thửa 2336, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[3] Về nguồn gốc đất: Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ và bà L đều xác định nguồn gốc đất là của ông Dương Văn T. Ông Đ thì cho rằng vào năm 1977, ông nhận chuyển nhượng đất từ ông T; bà L xác định ông Hà L nhận chuyển nhượng đất từ ông T, trước đó ông T nhận chuyển nhượng từ ông T.

Theo biên bản hòa giải ngày 28/5/1994 thì bà N trình bày: “Khi hăng nước mắm và công ty rồi ông T có bàn bạc cùng tôi kêu cho ông bán luôn phần đất và hăng nước mắm người ta mới chịu mua, phần này tôi đồng ý cho bán nhưng trong phạm vi hăng nước mắm”, ngoài ra bà N còn nêu tiếp “đất mua của ông T với ông T còn thiếu 400.000đ với ông T, nếu bán phần hăng nước mắm thì ông T phải trả cho ông Bảy T bốn trăm nghìn đồng”. Như vậy, tại thời điểm năm 1994 bà N đã đồng ý cho chuyển nhượng phần đất trong phạm vi hăng nước mắm.

Cũng theo biên bản hòa giải thì phần đất tranh chấp chiều ngang là 13,5m, chiều dài 23m. Mặt khác, ông T xác định từ đường lộ đất đổ ra Sông Cừ Long là phần của ông T, phía trong lộ là của bà N. Ông T hiện nay đã chết, bà Huỳnh Thị T là vợ của ông T cũng xác định từ lộ làng đổ ra Sông Cừ Long trước đây của ông T, ông T chuyển nhượng cho ông T, ông T chuyển nhượng cho ông Hà L. Lời trình bày này của bà T phù hợp với các giấy tay chuyển nhượng đất do bà L cung cấp. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, ông Đ cho rằng khi đến ở ông có trả thêm tiền hoa màu cho ông M là không có cơ sở vì theo tờ hợp đồng sang hoa màu ngày 04/10/1978 thì ông M, bà H sang cho ông T với giá 1.400đ. Do đó, có đủ cơ sở xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Hà L nhận chuyển nhượng từ ông T.

[4] Về quá trình sử dụng đất: Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ xác định gia đình ông Hà L đã cất nhà ở trên đất tranh chấp từ năm 1980 đúng như lời trình bày của bà L. Tuy nhiên, theo ông Đ trình bày thì thời điểm đó ông T chỉ bán xác nhà, không chuyển nhượng đất. Khi bán xác nhà có hỏi ý kiến của ông, có xin cho ông Hà L ở tạm và được ông đồng ý; sau này khi ông Hà L sửa chữa nhà cũng có hỏi ý kiến của ông.

Lời trình bày này của ông Đ là không có cơ sở chấp nhận vì gia đình bà L không thừa nhận việc ở nhờ, ông Đ không có chứng cứ nào để chứng minh việc cho ở nhờ. Mặt khác, nếu cho ở nhờ thì chỉ cho cất nhà tạm để thuận tiện cho việc di dời, không thể có việc cho gia đình bà L cất nhà tường gạch như hiện trạng hiện nay.

[5] Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N:

Theo Công văn số: 05/UBND-NC ngày 04/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T thì “Ngày 05/12/1992, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N, có số vào sổ 00228/QSĐĐ/A3, tại thửa 2336, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.031m², đất tọa lạc tại xã P, được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đối tượng quy định tại thời điểm cấp giấy.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà L cho rằng từ năm 1991 ông Hà L đã có tranh chấp đất với bà T, ông Đ cũng thừa nhận có việc tranh chấp nhưng phần căn nhà bà T là ông cho cất ở nhờ. Mặt khác, ông Đ cũng thừa nhận gia đình ông Hà L đã cất nhà sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1980. Vì vậy, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N vào năm 1992 đã có căn nhà của ông Hà L, có việc tranh chấp với bà T; người trực tiếp sử dụng đất là ông Hà L, không phải bà N. Ông Đ không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh việc cho ông Hà L ở nhờ, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc cấp đất cho bà N được sự đồng ý của ông Hà L (là người đang trực tiếp sử dụng đất tại thời điểm bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Từ đó, xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà N vào năm 1992 có một phần diện tích không đúng đối tượng theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không phù hợp với điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Mục II quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban hành kèm theo Quyết định số 201/QĐ.ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất: “Người sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi diện tích đất đang sử dụng được thể hiện đầy đủ trên bản đồ địa chính và được ghi vào sổ địa chính”.

[6] Đối với việc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành các quyết định thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hà L (thửa 2656, tờ bản đồ số 2), cho bà L (thửa 2840, tờ bản đồ số 2). Bà L được sự ủy quyền của gia đình khởi kiện các quyết định nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay, sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích, bà L cũng thừa nhận về mặt giấy tờ đất đã cấp cho bà N vào năm 1992, đến năm 2003 lại cấp cho ông Hà L là sai. Tuy nhiên, như yêu cầu ở trên bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận cho gia đình bà được quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà N về việc buộc bà L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà M phải dỡ nhà, trả phần đất bao chiếm diện tích 317m² là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với phần đất bãi bồi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực tế hiện nay gia đình bà L đang quản lý, sử dụng; ông Đ, bà N không có tranh chấp vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về chi phí đo đạc: Do yêu cầu của ông Đ, bà N không được chấp nhận nên phải chịu chi phí đo đạc theo luật định.

[10] Về án phí: Ông Đ, bà N được miễn tiền án phí (do là người cao tuổi).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 100, Điều 166 Luật đất đai;
- Áp dụng Khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 12, điểm b khoản 7, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thế Đ, bà Nguyễn Thị N đối với bà Nguyễn Thị L, bà Hà Mỹ L, bà Hà Thị S, bà Hà Thị B, bà Hà Thị T, ông Hà Văn C, bà Hà Thị Ngọc V về việc dỡ nhà trả lại phần đất diện tích 317m² thuộc một phần thửa 2336, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Công nhận cho bà Nguyễn Thị L, bà Hà Mỹ L, bà Hà Thị S, bà Hà Thị B, bà Hà Thị T, ông Hà Văn C, bà Hà Thị Ngọc V được quyền sử dụng phần đất diện tích 317m² thuộc một phần thửa 2336, tờ bản đồ số 2; đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Đông: Giáp lộ làng (từ điểm số 1 đến điểm số 2 trên sơ đồ đo đạc), có cạnh là 13,6m.

- Hướng Tây: Giáp phần đất bãi bồi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ điểm số 3 đến điểm số 6 trên sơ đồ đo đạc), có cạnh là 13,7m.

- Hướng Nam: Giáp đất ông N (từ điểm số 2 đến điểm số 3 trên sơ đồ đo đạc), có cạnh là 23m.

- Hướng Bắc: Giáp đất ông Nguyễn Văn M (từ điểm số 1 đến điểm số 6 trên sơ đồ đo đạc), có cạnh là 23m.

(Có sơ đồ và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ kèm theo).

3/ Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 205036, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228QSDĐ/A3 do Nguyễn Thị N đứng tên để điều chỉnh lại cho bà N và gia đình bà L theo luật định.

4/ Bà Nguyễn Thị L, bà Hà Mỹ L, bà Hà Thị S, bà Hà Thị B, bà Hà Thị T, ông Hà Văn C, bà Hà Thị Ngọc V có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo luật định.

5/ Về án phí:

Ông Phạm Thế Đ, bà Nguyễn Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 031360, quyền số 000628 ngày 23/3/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (do ông Đ, bà N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm vì là người cao tuổi).

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, đại diện bị đơn. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Duy Khang